

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 85/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 30 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Lê Hữu N, sinh năm 1989. Địa chỉ; Tiểu khu a, thị trấn H, L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chị Lò Thị Thu H, sinh năm 1994; NĐKKH: Tiểu khu a, thị trấn H, L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở: Bản B, xã Thanh X, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Hữu N và chị Lò Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn vào ngày 21/10/2015.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 1 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ngay thời gian đầu khi mới kết hôn anh chị đã chung sống không hòa thuận hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù anh chị cũng đã được hai bên gia đình khuyên bảo

nhưng anh chị vẫn không thể tiếp tục sống chung. Vì vậy năm 2019 anh chị đã sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh N, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N, chị H.

[2] Về con chung: Anh N, chị H có 01 con chung là cháu Lê Tùng L, sinh ngày 07/03/2016. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận, giao cháu Tùng L cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh N nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ/ tháng cho tới khi cháu Tùng L trưởng thành (đủ 18 tuổi) thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2020.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh N, chị H xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung vợ chồng, nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh N nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu N và chị Lò Thị Thu H nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Tùng L, sinh ngày 07/03/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tùng L cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2020 cho tới khi cháu Tùng L trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh N, chị H trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung cũng như nợ chung vợ chồng, nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh N nhận nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000172 ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn H, L;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn la;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga